

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN
THÔNG
Số: 102/2003/QĐ-BBCVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi các qui định tạm thời về quản lý cước kết cuối, hạn mức lưu lượng, cước kết nối đối với điện thoại IP quốc tế chiều đến Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Bưu chính, Viễn thông; Căn cứ Quyết định số 99/1998/QĐ-TTg ngày 26/5/1998 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá và cước bưu chính, viễn thông;

Căn cứ Thông tư số 03/1999/TT-TCBĐ ngày 11/5/1999 của Tổng cục Bưu điện hướng dẫn thực hiện Nghị định số 109/1997/NĐ-CP ngày 12/11/1997 của Chính phủ về bưu chính và viễn thông và Quyết định số 99/1998/QĐ-TTg ngày 26/5/1998 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá và cước bưu chính, viễn thông;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch – Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Cước kết cuối (Termination charge) điện thoại IP quốc tế của dịch vụ điện thoại IP quốc tế chiều đến Việt Nam là mức cước mà các nhà khai thác nước ngoài trả cho các doanh nghiệp Việt Nam được phép cung cấp dịch vụ điện thoại IP quốc tế để thực hiện việc kết cuối cuộc gọi tại Việt Nam.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại IP quốc tế được chủ động đàm phán, thỏa thuận mức cước kết cuối quốc tế với các đối tác nước ngoài trên cơ sở:

- Đối với các doanh nghiệp cung cấp đồng thời cả dịch vụ điện thoại quốc tế PSTN và điện thoại IP quốc tế: mức cước không được thấp hơn 0,28 USD/phút;

- Đối với các doanh nghiệp chỉ cung cấp dịch vụ điện thoại IP quốc tế: mức cước không thấp hơn 0,27 USD/phút.

3. Cước kết cuối qui định tại Khoản 2 của Điều này được áp dụng cho mọi lưu lượng điện thoại IP kết cuối tại Việt Nam, không phân biệt cuộc gọi kết cuối tại mạng cố định hay mạng di động.

Điều 2.

1. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại IP quốc tế được phân bổ hạn mức lưu lượng điện thoại IP quốc tế đến Việt Nam trên cơ sở số POP phát triển tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (toàn bộ các mạng di động toàn quốc được tính là 1 POP) như sau:

- Từ 1 đến 4 POP: 4 triệu phút/tháng;
- Từ 5 đến 8 POP: 5 triệu phút/tháng;
- Từ 9 đến 12 POP: 7 triệu phút/tháng;
- Từ 13 đến 18 POP: 9 triệu phút/tháng;
- Từ 19 đến 25 POP: 11 triệu phút/tháng;
- Trên 25 POP: 12 triệu phút/tháng.

2. Hạn mức lưu lượng qui định tại Khoản 1 của Điều này được áp dụng cho mọi doanh nghiệp và tính chung cho mọi lưu lượng điện thoại IP chiều quốc tế đến Việt Nam của doanh nghiệp, không phân biệt lưu lượng này kết cuối tại mạng cố định hay di động, tại các tỉnh doanh nghiệp cung cấp điện thoại IP quốc tế đã phát triển POP hay chưa phát triển POP.

3. Các doanh nghiệp báo cáo Bộ Bưu chính, Viễn thông về số lượng các POP đang khai thác và việc đưa các POP mới vào hoạt động để Bộ Bưu chính, Viễn thông định kỳ công bố cho các doanh nghiệp.

4. Các doanh nghiệp được phép chủ động bù trừ lưu lượng trong hạn mức giữa các tháng trong quý (tính theo năm dương lịch từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12) với mức không được vượt quá 10% của hạn mức lưu lượng được cấp cho tháng đó. Phần lưu lượng vượt trên 10% hạn mức lưu lượng của tháng được coi như lưu